

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04/9/2025

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Vân Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 gia phiên tòa: Ông Vĩ Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (số 73/2025/TLST – HNGĐ ngày 04/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên cũ), về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST – HNGĐ ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị T, sinh năm 1998; nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang, nay là Thôn L, xã P, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh. (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nay là Thôn L, xã P, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tình cảm ban đầu hoà thuận hạnh phúc. Đến tháng 6/2024 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh C chơi cờ bạc trên mạng xã hội, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe, vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống đã ly thân từ đó không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên xin được ly hôn anh C.

Về con chung, vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hương L, sinh ngày 26/8/2018 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị, còn cháu M đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cháu L, chị đồng ý để anh C nuôi cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh C trình bày:

Anh và chị Giáp Thị T tự do tìm hiểu, cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018, tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 06/2024, nguyên nhân do chị T đi làm công ty, có quan hệ tình cảm với người khác, chị T chặn liên lạc với anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng đó đến bây giờ. Nay vợ chồng ly thân đã lâu nên anh xác định không còn tình cảm, chị T làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T,

Về con chung, vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Hương L, sinh ngày 26/8/2018 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị T, còn cháu M đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh đồng ý nuôi dưỡng cháu M và để chị T nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hương L, sinh ngày 26/8/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/12/2020. Về cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nay là Thôn L, xã P, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh là đúng qui định.

Tại phiên tòa chỉ T đề nghị xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã P), ngày 05/01/2018, do vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị T và anh C đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay không quan tâm nhau. Trong thời gian ly thân cả chị T và anh C đều xác định không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng ly thân đã lâu và đều đề nghị ly hôn, do cả hai bên đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, không còn sống chung sống, không quan tâm, chăm sóc nhau nên vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hương L, sinh ngày 26/8/2018 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị T, còn cháu M đang ở cùng anh C. Do đó để ổn định cuộc sống, nơi ở của các con chung được đảm bảo nên HĐXX giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, chị T, anh C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh C thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Giáp Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Hương L, sinh ngày 26/8/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/12/2020. Về cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị T, anh C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh C thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Giáp Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003649 ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, xác nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- THADS khu vực 3;
- UBND xã Hợp Đức (nay là xã Phúc Hoà);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duyên